TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHI LĂNG** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST
Ngày 09-6-2023
Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHI LĂNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Thế Khuynh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lô Thùy Linh;

Ông Vi Thành Trung.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Phấn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân *huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà*: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 12/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 5 năm 2023; Thông báo thay đổi thời gian xét xử số 844/TB-TA ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vi Thị S, sinh năm 1996. Nơi đăng ký thường trú: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nơi ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơ*n: Anh Ngô Văn V, sinh năm 1984. Nơi đăng ký thường trú: Khu H, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, nơi ở hiện nay: Thôn Đ, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Vi Thị S trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị S và anh Ngô Văn V trước khi kết hôn được tìm hiểu, nhưng kết hôn trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc sau đó

được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 29/9/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì xẩy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, trong phát triển kinh tế, anh V không tu chí làm ăn, không quan tâm hỗ trợ chăm sóc con, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị S đã mang con về nhà ngoại tại thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống và sống ly thân từ tháng 10 năm 2022 đến nay. Nay chị S xác định không còn tình cảm với anh Ngô Văn V, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị Vi Thị S và anh Ngô Văn V có 01 con chung là cháu Ngô Phúc Đ, sinh ngày 08/02/2014. Khi ly hôn chị S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu anh Ngô Văn V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị S xác định vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Ngô Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Ngô Văn V và chị Vi Thị S kết hôn năm 2014, trước khi cưới có được tìm hiểu nhau và kết hôn trên cơ sở tự nguyện được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán; đi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 29/9/2014. Cuộc sống hạnh phúc từ sau ngày cưới đến năm 2022, thì xảy ra mâu thuẫn do những chuyện nhỏ nhặt hàng ngày. Năm 2022 chị Vi Thị S mang theo cả con trai về bên ngoại tại thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn sinh sống. Vợ chồng anh sống ly thân từ đó đến nay. Anh Ngô Văn V xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Ngô Văn V xác nhận anh và chị Vi Thị S có 01 con chung là cháu Ngô Phúc Đ, sinh ngày 08/02/2014, hiện cháu đang sinh sống và học tại xã B, huyện C. Nếu trong trường hợp phải ly hôn thì việc nuôi con theo ý nguyện của cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình lấy lời khai tại Tòa án, cháu Ngô Phúc Đ có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Vi Thị S vì hiện nay cháu đang sống với mẹ và học tại Trường Tiểu học xã B tại xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không hòa giải được do anh Ngô Văn V có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Sau khi Hội đồng xét xử công bố đơn xin xét xử vắng mặt của anh Ngô Văn V, chị Vi Thị S đồng ý với ý kiến của anh Ngô Văn V và đề nghị xét xử vắng mặt anh Ngô Văn V.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, đúng mối quan hệ pháp luật; việc thu thập chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đúng trình tự và đầy đủ; việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định về tố tụng; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Vi Thị S và anh Ngô Văn V được ly hôn. Về con chung: Chị Vi Thị S được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Phúc Đ, sinh ngày 08 tháng 02 năm 2014 kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu đủ 18 tuổi; anh Ngô Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Vi Thị S đã giao nộp chứng cứ cho Toà án gồm: Trích lục kết hôn, giấy tờ tuỳ thân, giấy khai sinh của con chung, bản sao kê tài khoản.

Tài liệu do Tòa án thu thập được gồm có các biên bản lấy lời khai đương sự, con chung.

Tình tiết sự kiện không phải chứng minh: Có đăng ký kết hôn.

Tình tiết sự kiện phải chứng minh: Về điều kiện kết hôn, quá trình chung sống, phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng sống ly thân; về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Về điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con chung của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Ngô Văn V có hộ khẩu thường trú tại khu K, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, khi thụ lý bị đơn vẫn cư trú tại đây, nguyên đơn đã chuyển về sinh sống tại thôn C, xã B, huyện C, tỉnh Lạng Sơn, do vậy Tòa án nhân dân huyện Chi Lăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Ngô Văn V có đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn, Kiểm sát viên, không có ý kiến gì về sự vắng mặt của bị đơn và yêu cầu phiên toà được tiếp tục. Do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị S và anh Ngô Văn V kết hôn, trên cơ sở tự nguyện, ngày 29/9/2014 chị S và anh V đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Q (nay là thị trấn Đ), huyện C, tỉnh Lạng Sơn nên cuộc hôn nhân này là hợp pháp. Tuy nhiên cuộc sống chung của vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng

[4] Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn: Do hai vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, trong phát triển kinh tế, anh V không tu chí làm ăn, không quan tâm hỗ trợ chăm sóc con nên vợ chồng thường xuyên cãi, chửi nhau, Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, khoảng tháng 10 năm 2022 chị Vi Thị S đã đưa con về bên ngoại sống ly thân với anh Ngô Văn V. Chi Vi Thị S và anh Ngô Văn V đã không còn sống chung từ năm 2022, việc này đã được thể hiện trong các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, phù hợp với lời trình bày của anh Ngô Văn V. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Vi Thị S với anh Ngô Văn V đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị Vi Thị S yêu cầu ly hôn với anh Ngô Văn V là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[5] Về con chung chị Vi Thị S và anh Ngô Văn V có 01 con chung là cháu Ngô Phúc Đ, sinh ngày 08/02/2014, hiện cháu đang sinh sống cùng mẹ và bà ngoại, cháu đang học tại Trường tiểu học xã B, huyện C; xét thấy chị Vi Thị S có đủ điều kiện để nuôi dạy con chung, nguyện vọng của cháu Ngô Phúc Đ cũng muốn được ở với mẹ, việc giao con chung cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy con chung của chị Vi Thị S. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con vì chị S không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Vi Thị S và anh Ngô Văn V không yêu cầu nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Vi Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án, về án phí là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; các Điều 266, 271; khoản 1 Điều 273; của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị S. Xử cho chị Vi Thị S được ly hôn với anh Ngô Văn V.

2. Về con chung: Chị Vi Thị S được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Ngô Phúc Đ, sinh ngày ngày 08/02/2014 kể từ khi bản án có hiệu lực đến khi cháu đủ 18 tuổi. Anh Ngô Văn V có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản, anh Ngô Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003270 ngày 23/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Chi Lăng;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- UBND thị trấn Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Thế Khuynh

Nguyên đơn chị Vi Thị S có đơn xin xét xư vắng mặt.

Căn cứ vào Điểm a Mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Căn cứ khoản 2 Điều 44 Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ.

Căn cứ Điều 51; 53; 56; 57; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thế Khuynh

.